

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/DS-ST

Ngày 29-9-2025

V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn và ông Trần Ngọc Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2025, về việc K đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-DS, ngày 26/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-DS, ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1983; số Căn cước công dân: 030083001794; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng); có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1955; số Căn cước công dân: 033055010862; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng); có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1991; số định danh cá nhân: 030091007201; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã M, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay (do đương sự cung cấp): Bu - S, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **Trần Quốc C** là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Trần Ngọc Đ** trình bày:

Ngày 06/11/2021 anh **Trần Ngọc Đ** và anh **Lê Văn T** ký giấy giao tiền với số tiền 510.000.000 đồng để đặt cọc cho việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất LK16 (01 lô) ôm sát đường T, khu dân

cư thương mại và chợ sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ Đông Giao. Anh Tú hẹn giao đất vào ngày 30/12/2022. Hai bên còn thỏa thuận nếu trường hợp không giao được quyền sử dụng đất thì anh T sẽ hoàn trả lại số tiền 510.000.000 đồng cộng lãi suất ngân hàng từ ngày 06/11/2021. Tuy nhiên đến ngày hẹn, anh T không thực hiện được và cũng không trả lại số tiền gốc đã đặt và tiền lãi theo thỏa thuận cho anh Đ. Anh Đ đến địa chỉ nơi ở của anh T để yêu cầu trả tiền thì được biết anh T đã đi nước ngoài và đang ở thành phố B, Hàn Quốc. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc anh Lê Văn T phải trả cho anh số tiền đã đặt cọc là 510.000.000 đồng và số tiền lãi là 37.750.000 đồng (tính từ ngày 06/11/2021 đến ngày khởi kiện).

Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lê Văn T đến Tòa án để cung cấp lời khai, quan điểm để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh T và được biết: Anh Lê Văn T đăng ký thường trú tại: Thôn H, xã M, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương), số định danh cá nhân: 030091007201. Hiện nay anh T đã đi nước ngoài và ở lại tại Hàn Quốc, không có địa chỉ cụ thể. Gia đình anh T cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả anh Đ số tiền gốc là 510.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 06/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất ngân hàng (tiền lãi là 47.000.000đ) hoặc tính theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX kiến nghị xử lý tổ chức, cá nhân đã đưa anh T đi nước ngoài trong khi anh T chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền đối với anh Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự, bị đơn ở nước ngoài, giấu địa chỉ. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Lê Văn T phải trả cho anh Đ số tiền 510.000.000 đồng tiền gốc và 198.300.000đ tiền lãi tính từ ngày 06/11/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã P, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã M, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay (do đương sự cung cấp): Bu-S, Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Ngày 01/7/2025 Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương hợp nhất với Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về số tiền gốc: Anh Trần Ngọc Đ giao cho anh Lê Văn T số tiền 510.000.000đ, việc giao nhận tiền được lập thành văn bản ghi “Giao nhận tiền” ngày 06/11/2021. Do không có mẫu chữ ký để đối chiếu và căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu thu thập tài liệu chứng cứ của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cung cấp: Anh Đ đã giao nộp bản gốc giấy giao tiền cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8) đang được lưu trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 25/01/2024. Tại kết luận giám định số 2395/KL-KTHS ngày 05/9/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn T dưới mục đại diện bên A trên hợp đồng đặt cọc (tại mặt trước) so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn T dưới mục "Bên A" trên Giấy giao tiền (tại mặt sau) của mẫu cân giám định ký hiệu A là cùng một người ký, viết ra. Với những căn cứ trên xác định việc giao tiền giữa anh Đ và anh T là có thật. Mục đích việc giao tiền là để đặt cọc cho việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, thửa đất LK16 (01 lô) ôm sát đường T, khu dân cư thương mại và chợ sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ Đông Giao. Anh Tú hẹn giao quyền sử dụng đất vào ngày 30/12/2022. Hai bên thỏa thuận nếu trường hợp không thực hiện được thì anh T sẽ hoàn trả lại số tiền 510.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 06/11/2021. HĐXX xét thấy các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký kết vào giấy giao nhận tiền (mặt sau của hợp đồng đặt cọc) nên giao dịch này có hiệu lực. Tuy nhiên đến ngày hẹn, anh T không thực hiện được nghĩa vụ của người nhận tiền đặt cọc. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại số tiền gốc đã đặt cọc là 510.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định của Điều 166, 328 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi. HĐXX xét thấy: Trong văn bản thoả thuận giữa hai bên chỉ thoả thuận nội dung về thời điểm tính tiền lãi theo lãi suất ngân hàng mà không thoả thuận về lãi suất cụ thể, nên HĐXX căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự xác định lãi suất trong giao dịch là 10%/1 năm, tính từ thời điểm ngày 06/11/2021 đến ngày xét xử ngày 29/9/2025 là 1.423 ngày. Cụ thể số tiền là $(510.000.000đ \times 10\%/365) \times 1423 \text{ ngày} = 198.830.098đ$ (làm tròn là: 198.830.000 đồng). Buộc anh T phải có trách nhiệm trả anh Đ số tiền lãi như trên.

[2.4] Từ phân tích trên, HĐXX buộc bị đơn anh Lê Văn T phải trả cho

nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ tổng số tiền là: 510.000.000đ (tiền gốc) + 198.830.000đ (tiền lãi tính đến thời điểm xét xử) = 708.830.000đ (bảy trăm linh tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

[3] Trong vụ án này, nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc C có đơn khiếu nại: Cho rằng Toà án phải tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định địa chỉ của anh Lê Văn T là ở thành phố B, Hàn Quốc và tiến thành uỷ thác tư pháp để giải quyết vụ án. Toà án căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ cung cấp là Công văn số 304/QLXNC ngày 22/01/2025 của Phòng Q, Công an tỉnh H trả lời với nội dung: "Trường hợp anh Lê Văn T, có thông tin nhân thân như trên, lần gần nhất xuất cảnh ngày 05/3/2024 qua Sân bay Nội bài, không có thông tin nhập cảnh của lần xuất cảnh này". Với nội dung công văn trên chỉ xác định được việc bị đơn anh Lê Văn T đã xuất cảnh đi nước ngoài mà không xác định được địa chỉ nước xuất cảnh đến và địa chỉ cụ thể của anh T tại nước ngoài. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2025 người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn cũng chỉ cung cấp nội dung bị đơn Lê Văn T sinh sống và làm việc tại thành phố B, Hàn Quốc mà không cung cấp thêm bất cứ tài liệu chứng cứ nào thể hiện địa chỉ cụ thể của bị đơn. Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn ở nước ngoài nên Toà án không thể tiến hành uỷ thác tư pháp, tuy nhiên Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi của tổ chức, cá nhân đã cho anh T đi nước ngoài trong khi vẫn còn nghĩa vụ chưa thực hiện đối với anh Đ. HĐXX xét thấy yêu cầu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐXX nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với tổng số tiền là: 708.830.000đ (20.000.000đ + (4% x 308.830.000đ)) = 32.353.200đ (làm tròn là: 32.353.000 đồng), theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 166, 328, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc Đ.

1. Buộc anh Lê Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Ngọc Đ số tiền là 510.000.000đ (tiền gốc) + 198.830.000đ (tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm) = 708.830.000đ (*bảy trăm linh tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn T chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Lê Văn T phải chịu 32.353.000 đ (*ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Trần Ngọc Đ số tiền 25.900.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001708 ngày 11/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Phòng GD, TT, KTNV &THA
- Toà án nhân dân TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân